TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VL** **TỈNH HY**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 160/2023/QĐST - HNGĐ	*HY, ngày 22 tháng 11 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án HNGĐ thụ lý số 120/2023/TLST – HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Anh Dương Tân V, sinh năm 1983

Địa chỉ: thôn N, xã LĐ, huyện VL, tỉnh HY.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Bích Đ, sinh năm 1986.

SQ: thôn NĐ, xã TQ, huyện VL, tỉnh HY.

HKTT: thôn N, xã LĐ, huyện VL, tỉnh HY.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Cháu Dương Việt B, sinh ngày 12/4/2007

Cháu Dương Đào H, sinh ngày 19/8/2008

Cháu Dương Huyền T, sinh ngày 29/8/2012

Cháu Dương Khởi S, sinh ngày 21/01/2014

Đều có địa chỉ: thôn N, xã LĐ, huyện VL, tỉnh HY.

Người đại diện hợp pháp của cháu B, cháu H, cháu T, cháu S là anh V, chị Đ – là bố mẹ đẻ của các cháu

Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 11 năm 2023.

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thảo thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 11 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thảo thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Dương Tân V và chị Nguyễn Thị Bích Đ.

2/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*** Về tình cảm vợ chồng:** Chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Dương Tân V và chị Nguyễn Thị Bích Đ.

*** Về con chung:** Anh V, chị Đ xác định vợ chồng có 04 con chung cháu lớn tên Dương Việt B, sinh ngày 12/4/2007, cháu thứ hai Dương Đào H, sinh ngày 19/8/2008, cháu thứ ba Dương Huyền T, sinh ngày 29/8/2012, cháu thứ tư Dương Khởi S, sinh ngày 21/01/2014. Chấp nhận sự thảo thuận của anh V, chị Đ giao cháu Dương Việt B, sinh ngày 12/4/2007 và cháu Dương Khởi S, sinh ngày 21/01/2014 cho anh V nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, giao cháu Dương Đào H, sinh ngày 19/8/2008 và cháu Dương Huyền T, sinh ngày 29/8/2012 cho chị Đ nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Chấp nhận sự tự nguyện của anh V, chị Đ không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Sau khi ly hôn anh V, chị Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

*** Về tài sản chung vợ chồng, về nợ, về ruộng nông nghiệp, về công sức:** Chấp nhận sự tự nguyện của anh V, chị Đ không đề nghị Tòa án giải quyết.

*** Về án phí:** Chấp nhận sự tự nguyện của anh V xin chịu cả 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn. Đối trừ với 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh V đã nộp theo biên lai số 12108 ngày 17/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VL, trả lại anh V số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKS huyện VL;*
- *UBND xã LĐ;*
- *Lưu HS.*

THẨM PHÁN

Phan Thị Bích T